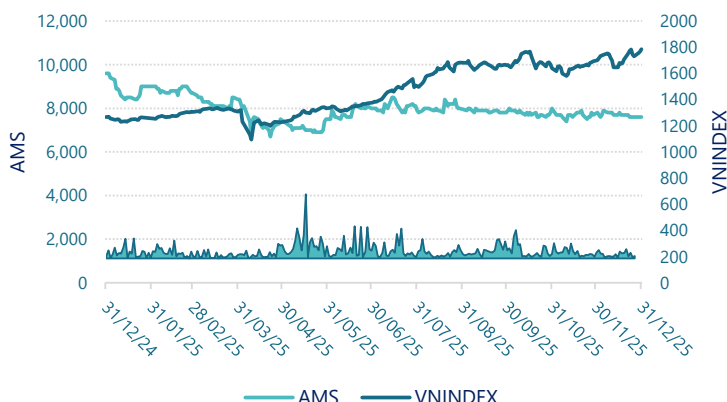


CTCP Cơ khí Xây dựng AMECC (UPCOM: AMS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,540
% sở hữu nước ngoài	35.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	456
P/E	7.7
EPS	991

DT thuần

Q4/25

1,282

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 652 | 103%

YoY: ▼ 43.0 | -3.2%

LN sau thuế

Q4/25

26.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 252%

YoY: ▲ 23.1 | 689%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.0%

DT thuần

2025

3,526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 94.0 | 2.7%

LN sau thuế

2025

59.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.50 | 8.1%

ROE

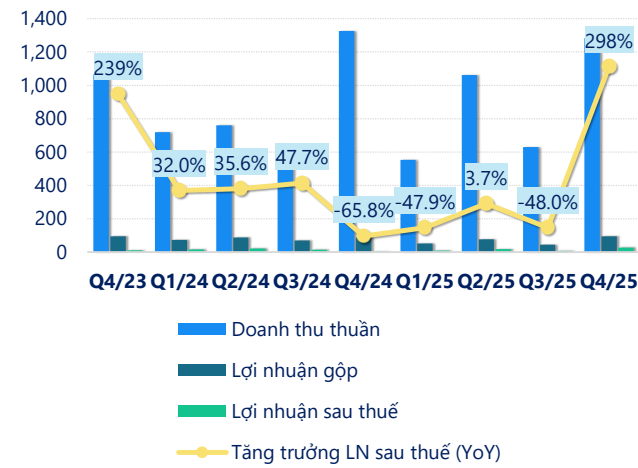
2025

7.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

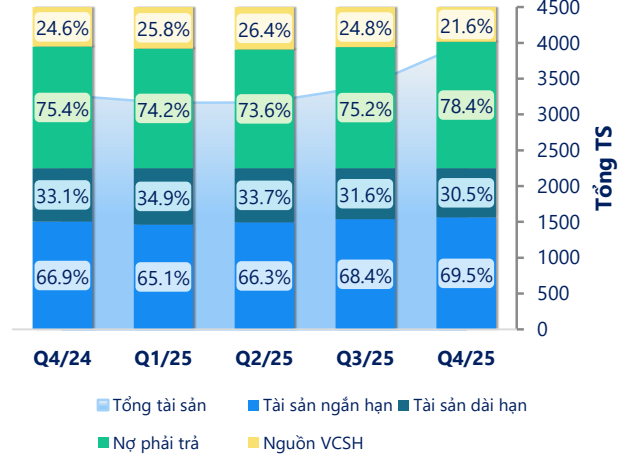
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

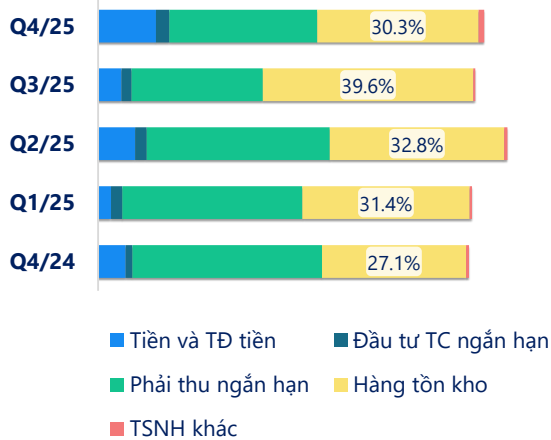
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



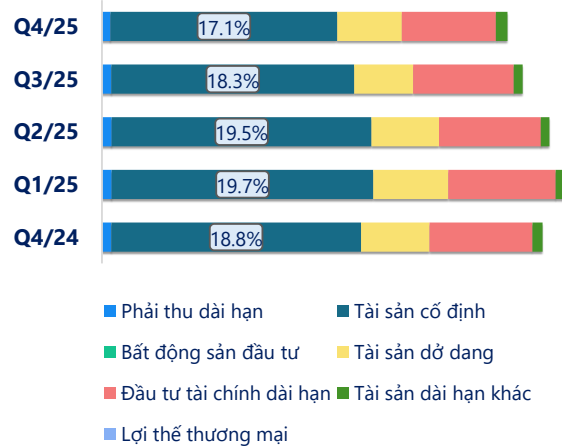
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

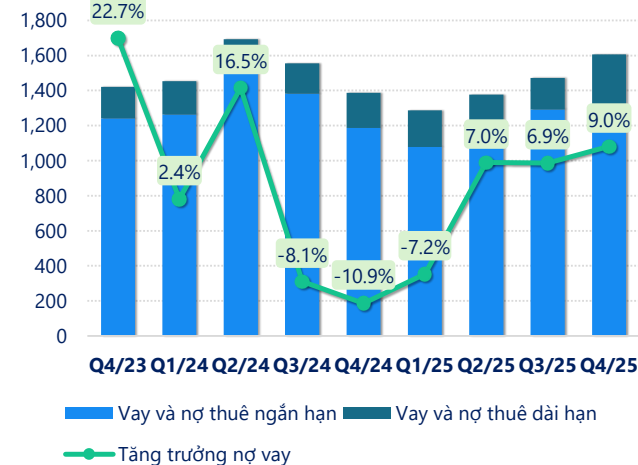
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

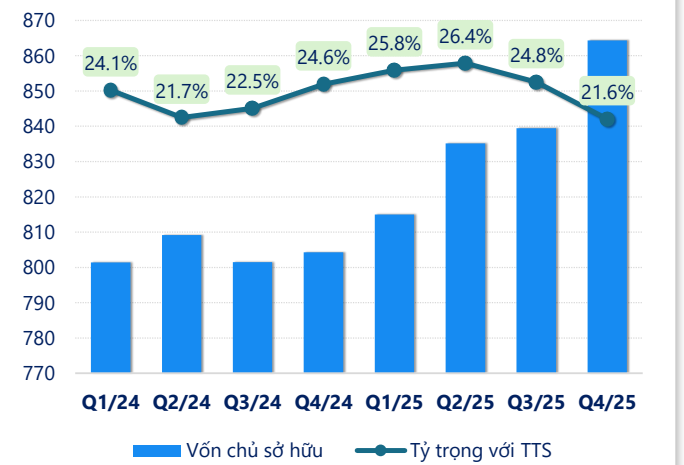
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

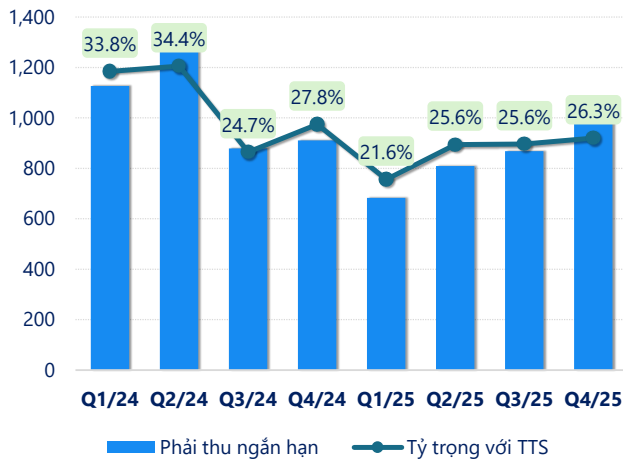
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



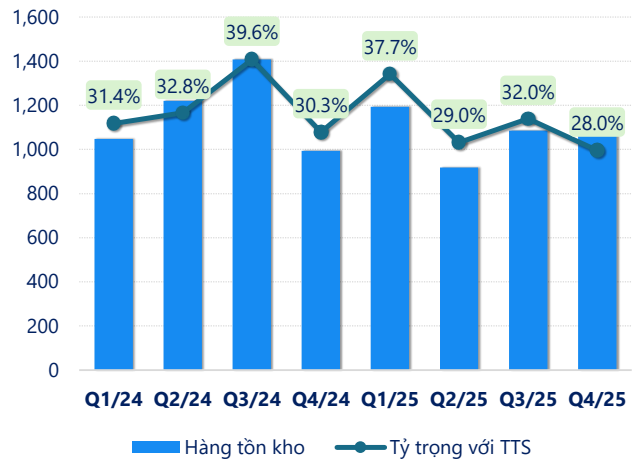
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


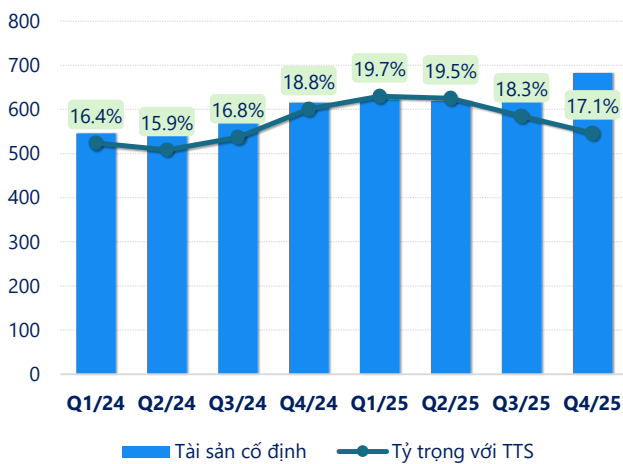
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


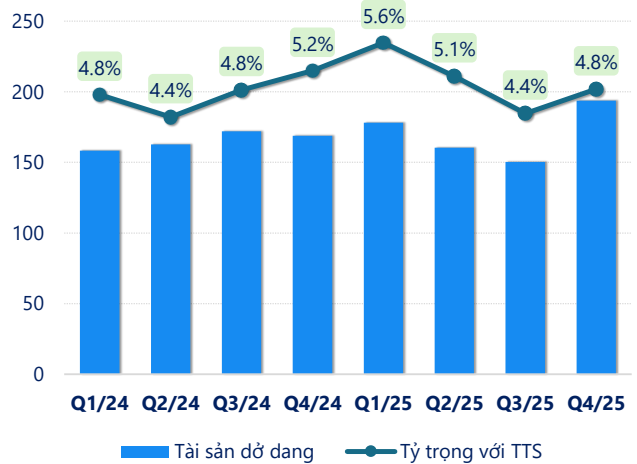
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

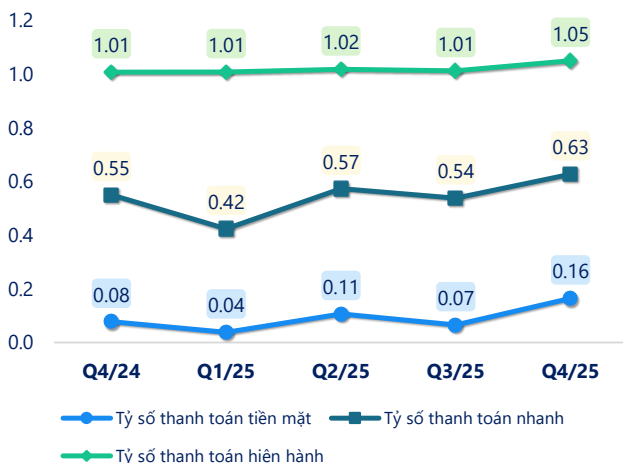
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

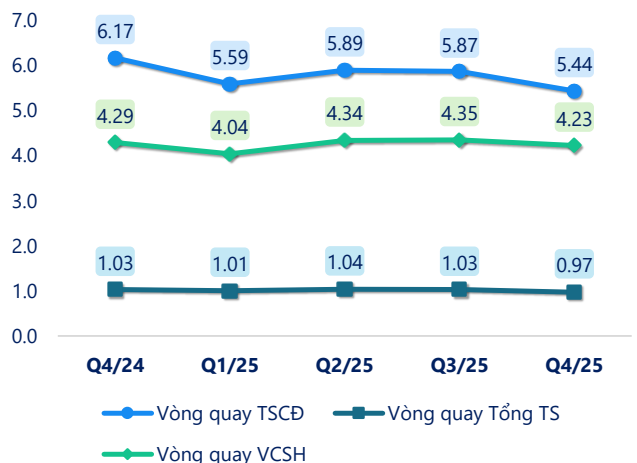
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,273	3,163	3,167	3,389	3,999
Tài sản ngắn hạn	2,188	2,058	2,101	2,317	2,779
Tiền và tương đương tiền	169	77.4	221	149	435
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.4	71.1	114	137	105
Phải thu ngắn hạn	911	683	810	868	1,051
Hàng tồn kho	993	1,193	919	1,086	1,120
Tài sản ngắn hạn khác	34.0	33.0	38.5	77.9	67.8
Tài sản dài hạn	1,085	1,105	1,066	1,072	1,220
Phải thu dài hạn	22.9	23.2	23.2	23.8	25.6
Tài sản cố định	615	623	619	619	682
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	169	178	160	150	194
Đầu tư tài chính dài hạn	254	255	242	257	283
Tài sản dài hạn khác	24.6	25.7	20.8	22.1	34.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,469	2,348	2,332	2,550	3,135
Nợ ngắn hạn	2,172	2,041	2,064	2,290	2,647
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,187	1,078	1,189	1,292	1,197
Phải trả người bán ngắn hạn	403	475	413	315	305
Nợ dài hạn	296	306	268	260	488
Vay và nợ thuê dài hạn	200	210	188	181	409
Nguồn vốn chủ sở hữu	804	815	835	839	864
Vốn chủ sở hữu	804	815	835	839	864
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)